TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/DS-ST
Ngày: 18-8-2023
V/v Hợp đồng vay tài sản và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đào Thị Hiền.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Hữu Thiện
2. Ông Mai Văn Tự

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Võ Công Đức – Kiểm sát Viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 54 ngày 28-7-2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 12, tổ 7, ấp N, xã C, Huyện DM, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị D1, sinh năm: 1962; địa chỉ: Ấp B, xã C, Huyện DM, Châu, tỉnh Tây Ninh.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2023, *bản tự khai và các biên bản làm việc nguyên đơn trình bày:* Bà và bà D1 là bạn bè, cùng công tác tại xã Chà Là nhưng hiện nay đã nghỉ hưu. Khoảng tháng 01-2022 bà D1 hỏi vay tiền của bà nhiều lần, mỗi lần vay từ 100.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng, vay lãi suất 3%/tháng, vay rồi trả trả rồi vay, không thế chấp tài sản, mỗi lần vay bà D1 có ký giấy nợ giao cho bà giữ. Mục đích bà D1 vay tiền để cho người khác vay lại. Đến khoảng tháng 9-2022, bà D1 vay tiền đến hơn 7.000.000.000 đồng. Ngày 17-10-2022 bà D1 đến nhà bà cho biết là bà D1 bể nợ, hai bên cộng sổ bà

D1 còn nợ bà số tiền 7.540.000.000 đồng, bà D1 có viết giấy mượn tiền giao bà giữ và hẹn vài ngày trả nhưng không trả. Ngoài ra, bà D1 nhờ bà tham gia hụi giùm nhiều dây cụ thể:

+ Dây hụi thứ 1: Hụi 5.000.000 đồng/tháng gồm 26 người, khui ngày 10-3-2022 al, mãn hụi ngày 10-3-2024 al (do năm 2023 nhuần 2 tháng 02 al), hụi do bà Phạm Hữu Thọ địa chỉ: ấp Ninh Hưng 1, xã Chà Là làm thảo hụi. Ngày 10-6-2022 al, bà D1 kêu bà hốt hụi, hụi kêu 1.400.000 đồng, bà hốt được 95.300.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng là 2.500.000 đồng) giao bà D1 nhưng không giấy nhận tiền hụi, lý do ngày 12-6-2022 al, bà Thọ đến nhà tôi đăng hụi cho bà, bà điện thoại cho bà D1 qua nhà bà nhận tiền hụi nhưng không kêu bà D1 viết giấy nhận tiền hụi vì lúc này anh trai tên Đỗ Mộng T bị bệnh chết tại nhà tôi. Sau khi hốt hụi bà D1 có nhờ bà đóng 02 kỳ hụi chết tháng 7, 8 năm 2022 al thì ngưng đến nay, dây hụi này bà D1 nợ 20 kỳ hụi chết là 100.000.000 đồng (từ tháng 9-2022 al đến tháng 3-2024 al).

+ Dây hụi thứ hai: Hụi 3.000.000 đồng/tháng gồm 22 người, khui ngày 24-9-2021 al, mãn hụi ngày 24-5-2023 al (do năm 2023 nhuần 2 tháng 02 al), hụi do bà Lê Kim T, địa chỉ: ấp NB, xã BN làm thảo hụi. Ngày 24-02-2022 al, bà D1 kêu tôi hốt hụi, tôi kêu 550.000 đồng, hốt được 52.800.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 1.400.000 đồng) giao bà D1, bà D1 có ký giấy nhận tiền hụi giao cho tôi giữ. Sau khi hốt hụi bà D1 có nhờ tôi đóng 02 kỳ hụi chết tháng 7, 8 năm 2022 al thì ngưng đến nay, dây hụi này bà D1 nợ 10 kỳ hụi chết là 30.000.000 đồng (từ tháng 9-2022 al đến tháng 5-2023 al).

Hai dây hụi trên, bà tham gia dùm bà D1, do đó bà là người đóng tiền trực tiếp cho thảo hụi, thảo hụi đăng tiền hụi trực tiếp cho bà. Do đó, thảo hụi chỉ biết bà, không biết bà D1. Hiện nay tháng nào bà cũng đóng tiền hụi chết thay cho bà D1.

Ngoài ra ngày 29-11-2020 al, bà làm thảo hụi dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 30 người, mãn hụi ngày 29-5-2023 al (do tháng 7, tháng 8-2021 dịch Covid 19 nên ngưng, do đó dây hụi này kéo dài thêm 02 tháng) bà D1 tham gia 02 phần cụ thể:

+ Ngày 29-4-2022 al, bà D1 kêu 450.000 đồng, hốt được 50.700.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng là 1.000.000 đồng), bà D1 có viết giấy nhận tiền hụi của tôi ngày 04-5-2022 al. Sau khi hốt hụi, bà D1 đóng 04 kỳ hụi chết là 8.000.000 đồng thì ngưng không đóng hụi (đóng từ tháng 5-2022 al đến tháng 8-2022 al). Dây hụi này còn nợ bà 10 kỳ hụi chết thành tiền là 20.000.000 đồng (từ tháng 9-2022 al đến tháng 5-2023 al).

+ Ngày 29-5-2022 al, bà D1 kêu 400.000 đồng, hốt được 51.800.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng là 1.000.000 đồng), ngày 30-5-2022 al tôi giao tiền hụi cho bà D1, bà D1 có viết giấy nhận tiền hụi của tôi ngày 30-6-2022 al là do bà D1 ghi nhầm (ghi đúng là ngày 30-6-2022 al). Sau khi hốt hụi, bà D1 đóng 03 kỳ hụi chết là 6.000.000 đồng thì ngưng không đóng hụi (đóng từ tháng 6-2022 al đến tháng 8-2022 al). Dây hụi này còn nợ bà 10 kỳ hụi chết thành tiền là 20.000.000 đồng (từ tháng 9-2022 al đến tháng 5-2023 al).

Ngoài ra ngày 10-02-2022 al, bà làm thảo hụi dây hụi 3.000.000 đồng/tháng và dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, bà D1 tham gia 03 phần hụi cụ thể:

+ Dây hụi 3.000.000 đồng: Hụi khui ngày 10-02-2022 al, mãn hụi ngày 10-7-2024 al, hụi gồm 31 người, bà D1 tham gia 01 phần, đóng 08 kỳ hụi sống khoản 18.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa (đóng từ tháng 02-2022 al đến tháng 9-2022 al), hụi này vẫn đang duy trì.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng: Hụi khui ngày 20-7-2022 al, mãn hụi ngày 20-11-2024 al, hụi gồm 30 người, bà D1 tham gia 02 phần, đóng 02 kỳ hụi sống khoản 5.600.000 đồng thì ngưng không đóng nữa (đóng từ tháng 7, 8-2022 al), hụi này vẫn đang duy trì. Từ tháng 9-2022, bà D1 không đóng hụi sống, do đó bà đồng ý hoàn trả cho bà D1 cụ thể:

+ Dây hụi 3.000.000 đồng, bà D1 đóng 08 kỳ hụi sống là 18.000.000 đồng nhưng bà đồng ý trả cho bà D1 24.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng, bà D1 tham gia 02 phần đóng 02 kỳ là 5.600.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà D1 là 8.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 02 kỳ x 02 phần = 8.000.000 đồng).

Tổng cộng: Bà nợ bà D1 02 dây (03 chân) hụi sống là 32.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà D1 32.000.000 đồng tiền hụi sống khi bà D1 có yêu cầu.

Quá trình làm thảo hụi, bà có mở sổ hụi theo dõi việc đóng hụi đầy đủ, rõ ràng, bà D1 có ký nhận tiền hụi của bà, bà đã cung cấp chứng cứ cho Toà án.

Ngày 20-3-2023, bà nộp đơn khởi kiện và yêu cầu bà D1 trả cho bà 7.678.000.000 đồng, trong đó tiền vay là 7.540.000.000 đồng, tiền hụi 138.000.000 đồng. Sau đó, về nhà bà kiểm tra bà D1 còn nợ bà tiền hụi 170.000.000 đồng.

Ngày 06-6-2023, bà tiếp tục khởi kiện bổ sung và yêu cầu bà D1 trả cho bà 32.000.000 đồng tiền hụi.

Nay bà D yêu cầu bà D1 trả số tiền 7.710.000.000 đồng, trong đó tiền vay là 7.540.000.000 đồng, tiền hụi là 170.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính tiền lãi và cũng không yêu cầu chồng bà D1 tên Lưu Thế Giới trả tiền cho bà. Riêng số tiền 32.000.000 đồng là tiền hụi sống bà nợ bà D1 (do bà D1 đang góp hụi bỏ nhà đi đến nay), bà đồng ý trả cho bà D1 khi bà D1 có yêu cầu.

Bị đơn bà Võ Thị D1: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt nên không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án cũng như tại Tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do, xem như từ chối quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D1: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 155, 429, 463, 466, 469, 470, 471 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đối với bà D1 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Buộc bà D1 có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 7.710.000.000 đồng, trong đó tiền vay là 7.540.000.000 đồng, tiền hụi là 170.000.000 đồng.

Ghi nhận: Bà D không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu ông Lưu Thế Giới là chồng bà D1 trả nợ cho bà D.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan yêu cầu, đề nghị của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng đối với bị đơn bà Võ Thị D1 theo đúng quy định pháp luật nhưng đến giờ này bà D1 vẫn vắng mặt, xem như bà D1 từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay tiền vay là 7.540.000.000 đồng và tiền hụi là 170.000.000 đồng. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và góp hụi" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự "Thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm''. Trong năm 2022, nguyên đơn cho bị đơn vay 7.540.000.000 đồng; đồng thời bị đơn tham gia góp hụi còn nợ nguyên đơn 170.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ngày 20-3-2023 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và tiền hụi nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] *Về nội D1:* Quá trình giải quyết, bà D yêu cầu bà D1 trả số tiền vay và tiền hụi còn nợ là 7.710.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu của bà D là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết bà D cung cấp chứng cứ là 04 giấy nhận nợ và nhận tiền hụi có chữ ký của bà D1. Mặt khác, Tại Biên bản ghi lời khai ngày 11-11-2022 của Công an Huyện Dương Minh Châu, bà D1 đã thừa nhận có vay nợ bà D 7.540.000.000 đồng, tiền hụi 170.000.000 đồng, có cơ sở xác định bà D1 còn nợ bà D tiền vay và tiền hụi 7.710.000.000 đồng đến nay chưa trả là có thật. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, cần buộc bà D1 có nghĩa vụ trả cho bà D 7.710.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

Quá trình giải quyết và tại Toà hôm nay, bà D không yêu cầu ông Lưu Thế Giới chồng bà D1 trả nợ cho bà nên không đưa ông Giới vào tham gia tố tụng là phù hợp pháp luật. Bà D cũng không yêu cầu tính lãi suất nên ghi nhận.

[3] Đối với việc, bà D còn nợ bà D1 32.000.000 đồng tiền hụi, bà D1 được quyền khởi kiện bà D khi bà D1 có yêu cầu.

[4] Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu bà D1 trả số tiền vay, tiền hụi còn nợ 7.710.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị D1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị D đối với bà Võ Thị D1.

Bà D1 có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 7.710.000.000 đồng (bảy tỷ, bảy trăm mười triệu) đồng, trong đó tiền vay 7.540.000.000 đồng, tiền hụi 170.000.000 đồng.

Ghi nhận: Bà D không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu Ông Lưu Thế Giới là chồng bà D1 trả nợ cho bà D.

Kể từ ngày bà Đỗ Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị D1 không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà D1 còn phải trả cho bà D số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị D1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Đỗ Thị D là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà D theo quy định pháp luật.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Hiền